



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Ngãi cấp và có giá trị trong vòng 40 năm.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

| | | |
|--------------------------|-----------------------|--|
| Hội đồng Quản trị | Ông Teo Hong Keng | Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018) |
| | Ông Bùi Ngọc Hạnh | Chủ tịch (đến ngày 14 tháng 6 năm 2018) |
| | Bà Bùi Thị Nhự | Thành viên |
| | Ông Đinh Văn Thuận | Thành viên |
| | Ông Trần Nguyên Trung | Thành viên |
| | Ông Văn Thảo Nguyên | Thành viên |

| | | |
|----------------------|------------------------|------------|
| Ban Kiểm soát | Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân | Trưởng ban |
| | Ông Nguyễn Văn Hòa | Thành viên |
| | Ông Trương Quang Vinh | Thành viên |

| | | |
|---------------------|---------------------|--------------|
| Ban Giám đốc | Bà Bùi Thị Nhự | Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Văn Hùng | Phó Giám đốc |
| | Ông Thượng Tấn Lược | Phó Giám đốc |
| | Ông Trần Đình Bé | Phó Giám đốc |

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công tác soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2018 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-313/HY



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 167.278.260.952 | 197.017.979.322 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 6 | 33.765.982.532 | 62.050.923.517 |
| Tiền | 111 | | 27.965.982.532 | 46.787.404.802 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 5.800.000.000 | 15.263.518.715 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 40.688.908.400 | 63.488.038.742 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 32.297.858.316 | 55.559.020.729 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 7.335.405.800 | 6.667.761.890 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 1.055.644.284 | 1.261.256.123 |
| Hàng tồn kho | 140 | 8(a) | 90.184.709.738 | 69.560.566.838 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 92.042.358.049 | 69.560.566.838 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.857.648.311) | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.638.660.282 | 1.918.450.225 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.325.656.751 | 1.761.518.644 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | 14(b) | 313.003.531 | 156.931.581 |
| Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260) | 200 | | 745.509.172.197 | 780.864.947.804 |
| Tài sản cố định | 220 | | 703.513.922.162 | 740.779.607.248 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 703.431.847.536 | 740.626.857.248 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.292.571.758.570 | 1.288.500.983.570 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (589.139.911.034) | (547.874.126.322) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 82.074.626 | 152.750.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 423.000.000 | 423.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (340.925.374) | (270.250.000) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 27.820.579.547 | 27.684.480.729 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 11 | 27.820.579.547 | 27.684.480.729 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 14.174.670.488 | 12.400.859.827 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 5.723.469.245 | 5.279.042.888 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 8(b) | 8.451.201.243 | 7.121.816.939 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 912.787.433.149 | 977.882.927.126 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310) | 300 | | 317.423.926.663 | 378.087.741.292 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 317.423.926.663 | 378.087.741.292 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 17.030.863.179 | 28.599.937.282 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 88.995.083 | 12.428.800 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 14(a) | 88.793.909.132 | 101.721.203.525 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 5.050.670.336 | 7.865.093.433 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 13.743.597.136 | 10.158.426.385 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 15.264.799.449 | 15.673.170.801 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 17 | 166.515.400.000 | 199.951.888.610 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 250.000.001 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 18 | 10.685.692.347 | 14.105.592.456 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 595.363.506.486 | 599.795.185.834 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 595.363.506.486 | 599.795.185.834 |
| Vốn cổ phần | 411 | 20 | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 22 | 36.600.250.272 | 29.057.250.272 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 108.763.256.214 | 120.737.935.562 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 68.194.935.562 | 25.059.385.542 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 40.568.320.652 | 95.678.550.020 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 912.787.433.149 | 977.882.927.126 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 24 | 467.071.530.109 | 490.339.648.614 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 24 | 78.903.537 | 92.827.350 |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 24 | 466.992.626.572 | 490.246.821.264 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 408.906.324.154 | 427.992.557.355 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 58.086.302.418 | 62.254.263.909 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 679.495.558 | 1.599.619.102 |
| Chi phí tài chính | 22 | 27 | 5.163.676.863 | 6.295.806.953 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>5.161.182.225</i> | <i>6.259.188.366</i> |
| Chi phí bán hàng | 25 | 28 | 3.349.747.129 | 2.802.003.933 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | 6.702.781.654 | 6.016.127.882 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 43.549.592.330 | 48.739.944.243 |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.101.329.763 | 1.021.961.642 |
| Chi phí khác | 32 | | 595.988.865 | 749.114.425 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 505.340.898 | 272.847.217 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
| | | | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 44.054.933.228 | 49.012.791.460 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 3.486.612.576 | 3.702.866.795 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31 | - | - |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 40.568.320.652 | 45.309.924.665 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 32 | 902 | 1.007 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|----------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 44.054.933.228 | 49.012.791.460 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 41.336.460.086 | 41.280.314.687 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 2.107.648.312 | - |
| Lãi tiền gửi | 05 | | (647.738.227) | (1.583.457.308) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 5.161.182.225 | 6.259.188.366 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 92.012.485.624 | 94.968.837.205 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | 22.643.058.392 | 22.391.155.173 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (23.811.175.515) | (20.763.979.539) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (22.068.956.469) | (59.957.995.240) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (1.008.564.464) | (1.384.903.014) |
| | | | 67.766.847.568 | 35.253.114.585 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (5.268.121.099) | (6.582.248.268) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (4.951.262.744) | (4.569.406.230) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (3.751.700.109) | (4.252.843.600) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 53.795.763.616 | 19.848.616.487 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | | (4.206.873.818) | (24.687.275.947) |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | | 647.738.227 | 1.583.457.308 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (3.559.135.591) | (23.103.818.639) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
| | | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | | | |
|--|-----------|-------------------------|--------------------------|
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 438.871.389.307 | 476.720.346.908 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (472.307.877.917) | (605.067.750.671) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (45.085.080.400) | (15.748.554.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (78.521.569.010) | (144.095.957.763) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (28.284.940.985) | (147.351.159.915) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 62.050.923.517 | 215.677.001.967 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) | 70 | 33.765.982.532 | 68.325.842.052 |

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 198 nhân viên (1/1/2018: 198 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 150 tỷ VND (1/1/2018: 181 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty không tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 năm |
| ▪ khác | 2 – 20 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận theo giá gốc. Bao bì chai két được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan; Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối bia và hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|----------------------------|------------------|-----------------|
| Tiền mặt | 562.314.114 | 336.821.472 |
| Tiền gửi ngân hàng | 27.403.668.418 | 46.450.583.330 |
| Các khoản tương đương tiền | 5.800.000.000 | 15.263.518.715 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 33.765.982.532 | 62.050.923.517 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,3% một năm (1/1/2018: 5,0% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------------|-----------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn | 27.916.422.710 | 48.481.610.210 |
| Elixir Signature Pty Ltd | 3.333.515.561 | 3.560.738.724 |
| Các khách hàng khác | 1.047.920.045 | 3.516.671.795 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 32.297.858.316 | 55.559.020.729 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn | 27.916.422.710 | 48.481.610.210 |

Phải thu khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm 32.298 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

8. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

| | 30/6/2018 | | 1/1/2018 | |
|-------------------------------------|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên vật liệu | 21.606.104.621 | (1.857.648.311) | 22.693.087.119 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 18.079.147.477 | - | 17.674.309.010 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 23.176.506.030 | - | 20.624.504.269 | - |
| Thành phẩm | 29.180.599.921 | - | 8.568.666.440 | - |
| | 92.042.358.049 | (1.857.648.311) | 69.560.566.838 | - |

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm 90.185 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 phản ánh số dự phòng trích lập trong kỳ (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: Không).

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

| | 30/6/2018 | | 1/1/2018 | |
|---------------------------|------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vật tư, phụ tùng thay thế | 8.451.201.243 | - | 7.121.816.939 | - |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Khác VND | Tổng VND |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|------------------------|-------------|-------------------|
| Số dư đầu kỳ | 247.542.684.265 | 1.030.400.113.394 | 9.372.683.292 | 640.602.566 | 544.900.053 | 1.288.500.983.570 |
| Tăng trong kỳ | - | 4.070.775.000 | - | - | - | 4.070.775.000 |
| Số dư cuối kỳ | 247.542.684.265 | 1.034.470.888.394 | 9.372.683.292 | 640.602.566 | 544.900.053 | 1.292.571.758.570 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 68.016.504.373 | 472.845.375.612 | 6.238.126.911 | 476.219.377 | 297.900.049 | 547.874.126.322 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.537.886.606 | 35.166.817.842 | 489.419.612 | 65.160.654 | 6.499.998 | 41.265.784.712 |
| Số dư cuối kỳ | 73.554.390.979 | 508.012.193.454 | 6.727.546.523 | 541.380.031 | 304.400.047 | 589.139.911.034 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 179.526.179.892 | 557.554.737.782 | 3.134.556.381 | 164.383.189 | 247.000.004 | 740.626.857.248 |
| Số dư cuối kỳ | 173.988.293.286 | 526.458.694.940 | 2.645.136.769 | 99.222.535 | 240.500.006 | 703.431.847.536 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 3.870 triệu VND (1/1/2018: 3.870 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu kỳ và cuối kỳ | 423.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu kỳ | 270.250.000 |
| Khấu hao trong kỳ | 70.675.374 |
| Số dư cuối kỳ | 340.925.374 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu kỳ | 152.750.000 |
| Số dư cuối kỳ | 82.074.626 |

11. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 27.684.480.729 | 24.847.255.413 |
| Tăng trong kỳ | 136.098.818 | 16.482.382.966 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | - | (5.255.127.818) |
| Số dư cuối kỳ | 27.820.579.547 | 36.074.510.561 |
| Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau: | | |
| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
| | VND | VND |
| Dự án đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao chất lượng bia | 24.842.999.729 | 24.706.900.911 |
| Thi công khu vực đặt tank lên men và khu động lực | 2.868.931.636 | 2.868.931.636 |
| Công trình khác | 108.648.182 | 108.648.182 |
| | 27.820.579.547 | 27.684.480.729 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Bao bì lưu chuyển VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|----------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Số dư đầu kỳ | 5.232.376.216 | 46.666.672 | 5.279.042.888 |
| Tăng trong kỳ | 2.263.636.364 | 837.072.000 | 3.100.708.364 |
| Phân bổ trong kỳ | (2.505.103.343) | (151.178.664) | (2.656.282.007) |
| Số dư cuối kỳ | 4.990.909.237 | 732.560.008 | 5.723.469.245 |

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ | |
|--|--|-------------------------|
| | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
| Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng | 4.873.884.667 | 3.113.569.617 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn | 2.843.688.139 | 13.543.926.833 |
| Công ty TNHH Box – pak (Việt Nam) | 2.514.899.750 | 1.971.246.684 |
| Công ty TNHH Thịnh Đức | 1.620.465.000 | 698.500.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.177.925.623 | 9.272.694.148 |
| | 17.030.863.179 | 28.599.937.282 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|--------------------------|-------------------------|
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn | 2.843.688.139 | 13.543.926.833 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh | 59.675.000 | 61.380.000 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn | - | 324.524.786 |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | - | 74 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2018 VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số đã nộp trong kỳ VND | 30/6/2018 VND |
|----------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 86.754.326.564 | 364.402.652.297 | (374.818.844.705) | 76.338.134.156 |
| Thuế giá trị gia tăng | 11.018.786.726 | 77.467.799.130 | (78.058.040.776) | 10.428.545.080 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.368.892.347 | 3.486.612.576 | (4.951.262.744) | 1.904.242.179 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 579.197.888 | 951.175.420 | (1.407.385.591) | 122.987.717 |
| | 101.721.203.525 | 446.308.239.423 | (459.235.533.816) | 88.793.909.132 |

(b) Thuế phải thu Nhà nước

| | 1/1/2018 VND | Số phát sinh trong kỳ VND | Số cân trừ trong kỳ VND | 30/6/2018 VND |
|---------------------|-----------------|---------------------------------|-------------------------------|------------------|
| Thuế xuất nhập khẩu | 156.931.581 | 948.159.958 | (792.088.008) | 313.003.531 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
|-------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 8.551.637.416 | 8.658.576.290 |
| Chi phí nhập nước và hơi nước | 2.533.975.644 | - |
| Chi phí vận chuyển và bốc xếp | 1.288.228.865 | 327.212.975 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 305.752.843 | 639.492.843 |
| Chi phí khác | 1.064.002.368 | 860.357.252 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 13.743.597.136 | 10.158.426.385 |
| | <hr/> | <hr/> |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
|---------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | 13.031.874.427 | 13.116.954.827 |
| Quỹ công tác xã hội | 1.609.947.750 | 1.881.747.750 |
| Kinh phí công đoàn | 171.397.272 | 187.888.224 |
| Phải trả khác | 451.580.000 | 486.580.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 15.264.799.449 | 15.673.170.801 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

| | Biến động trong kỳ | | 30/6/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND |
|--------------|--------------------|-------------------|---|
| | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn | 438.871.389.307 | (472.307.877.917) | 166.515.400.000 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 30/6/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|-----------|--------------|------------------|-----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i) | VND | 5,0%-5,2% | 146.500.000.000 | 199.951.888.610 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii) | USD | 3,5% | 20.015.400.000 | - |
| | | | 166.515.400.000 | 199.951.888.610 |

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 340.000 triệu VND và được bảo đảm bằng khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 32.298 triệu VND (1/1/2018: Không) (Thuyết minh 7) và hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 90.185 triệu VND (1/1/2018: Không) (Thuyết minh 8).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|------------------|-----------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 14.105.592.456 | 11.675.251.669 |
| Sử dụng trong kỳ | (3.419.900.109) | (4.181.093.600) |
| Số dư cuối kỳ | 10.685.692.347 | 7.494.158.069 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|-----------------------|---------------------------------|---|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 450.000.000.000 | 29.057.250.272 | 90.748.239.606 | 569.805.489.878 |
| Cổ tức (Thuyết minh 21) | - | - | (67.500.000.000) | (67.500.000.000) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 45.309.924.665 | 45.309.924.665 |
| Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017 | 450.000.000.000 | 29.057.250.272 | 68.558.164.271 | 547.615.414.543 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 64.259.494.311 | 64.259.494.311 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | (12.079.723.020) | (12.079.723.020) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 450.000.000.000 | 29.057.250.272 | 120.737.935.562 | 599.795.185.834 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22) | - | 7.543.000.000 | (7.543.000.000) | - |
| Cổ tức (Thuyết minh 21) | - | - | (45.000.000.000) | (45.000.000.000) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 40.568.320.652 | 40.568.320.652 |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 | 450.000.000.000 | 36.600.250.272 | 108.763.256.214 | 595.363.506.486 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2018 | | 1/1/2018 | |
|---|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 450.000.000.000 | 45.000.000 | 450.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 450.000.000.000 | 45.000.000 | 450.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 5 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 45.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| Số dư đầu kỳ | 29.057.250.272 | 29.057.250.272 |
| Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19) | 7.543.000.000 | - |
| Số dư cuối kỳ | 36.600.250.272 | 29.057.250.272 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
|--------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 939.524.584 | 939.522.665 |
| Từ hai đến năm năm | 3.758.098.335 | 3.758.090.658 |
| Sau năm năm | 23.621.213.909 | 26.481.490.214 |
| | 28.318.836.828 | 31.179.103.537 |

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

| | | | 30/6/2018 | | 1/1/2018 | |
|----------|-------|--------|------------------|------------|-----------------|------------|
| | | | Số lượng | VND | Số lượng | VND |
| Bia lon | Thùng | 28.100 | 5.036.644.000 | 56.400 | 8.355.660.000 | |
| Bia chai | Két | 4.320 | 480.480.800 | 261.630 | 23.787.075.900 | |
| | | | 5.517.124.800 | | 32.142.735.900 | |

(c) Ngoại tệ

| | | 30/6/2018 | | 1/1/2018 | |
|-----|---------|------------------|------------------------|------------------|------------------------|
| | | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 259.661 | 5.913.879.331 | 210.666 | 4.775.788.925 | |

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 30/6/2018 | 1/1/2018 |
|-------------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 12.435.299.906 | 12.571.398.724 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------------------------------|-------------------|
| | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 463.329.070.079 | 486.733.313.735 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | 827.731.722.376 | 878.072.893.732 |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | (364.402.652.297) | (391.339.579.997) |
| ▪ Bán hàng hoá | 65.712.170 | - |
| ▪ Bán phế liệu | 3.676.747.860 | 3.606.334.879 |
| | 467.071.530.109 | 490.339.648.614 |
| Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | 73.683.537 | 92.827.350 |
| ▪ Hàng bán bị trả lại | 5.220.000 | - |
| | 78.903.537 | 92.827.350 |
| | 466.992.626.572 | 490.246.821.264 |

25. Giá vốn hàng bán

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2018 VND | 30/6/2017 VND |
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 407.007.905.843 | 427.992.557.355 |
| ▪ Hàng hoá đã bán | 40.770.000 | - |
| ▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.857.648.311 | - |
| | 408.906.324.154 | 427.992.557.355 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 647.738.227 | 1.583.457.308 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 31.757.331 | 16.161.794 |
| | 679.495.558 | 1.599.619.102 |
| | 679.495.558 | 1.599.619.102 |

27. Chi phí tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 5.161.182.225 | 6.259.188.366 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 2.494.638 | 36.618.587 |
| | 5.163.676.863 | 6.295.806.953 |
| | 5.163.676.863 | 6.295.806.953 |

28. Chi phí bán hàng

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.993.511.587 | 2.276.503.210 |
| Chi phí nhân viên | 281.444.370 | 319.649.869 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 25.947.308 | 45.234.717 |
| Chi phí khấu hao | 13.098.485 | 13.098.486 |
| Chi phí khác | 35.745.379 | 147.517.651 |
| | 3.349.747.129 | 2.802.003.933 |
| | 3.349.747.129 | 2.802.003.933 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 2.306.284.551 | 2.749.283.935 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.037.782.289 | 730.062.772 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 991.096.058 | 948.942.888 |
| Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng | 286.309.127 | 335.176.895 |
| Thuê và lệ phí | 69.460.038 | 91.207.532 |
| Chi phí khác | 2.011.849.591 | 1.161.453.860 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 6.702.781.654 | 6.016.127.882 |
| | <hr/> | <hr/> |

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 370.675.949.392 | 377.624.701.264 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 41.202.322.835 | 41.280.314.687 |
| Chi phí nhân công | 17.583.565.209 | 17.838.151.874 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.780.855.448 | 8.589.829.457 |
| Chi phí khác | 3.690.439.552 | 3.347.972.733 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| Năm hiện hành | 3.486.612.576 | 3.702.866.795 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|----------------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 44.054.933.228 | 49.012.791.460 |
| Thuế theo thuế suất của Công ty | 6.608.239.984 | 7.351.918.719 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 410.086.560 | 53.814.871 |
| Ưu đãi thuế | (3.531.713.968) | (3.702.866.795) |
| | 3.486.612.576 | 3.702.866.795 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ và thuộc về cổ đông phổ thông | 40.568.320.652 | 45.309.924.665 |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lại cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2018 | 30/6/2017 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn | | |
| Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 766.837.619.700 | 850.554.669.500 |
| Mua nguyên vật liệu | 261.085.442.153 | 285.626.007.731 |
| Cổ tức | 29.950.000.000 | 44.925.000.000 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Mua hàng hoá | 40.770.000 | - |
| Cổ tức | 1.166.667.000 | 1.750.000.500 |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Phí đổi vỏ chai | 885.197.035 | 675.568.637 |
| Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh | | |
| Mua nguyên vật liệu | 333.250.000 | 334.800.000 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội | | |
| Mua nguyên vật liệu | 31.336.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung | | |
| Mua nguyên vật liệu | - | 54.000.000 |
| Bà Bùi Thị Nhự | | |
| Cổ tức | 413.450.000 | 620.175.000 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | | |
| Tiền lương và thưởng | 3.425.393.846 | 3.226.397.548 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Nợ tiềm tàng

Công ty ký hợp đồng thuê đất không huỷ ngang với Công ty Phát triển Hạ tầng các Khu Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ngãi ngày 15 tháng 3 năm 2008 (“Hợp đồng thuê”) để thuê lô đất C1-1 trong Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Tỉnh Quảng Ngãi nhằm thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi, với thời hạn thuê là 40 năm. Theo các điều khoản của Hợp đồng thuê này, sau khi hết thời hạn thuê, Công ty phải phục hồi lại nguyên trạng đất thuê trước khi trả lại đất và hạ tầng thuê cho Khu Công Nghiệp.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng và Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng, khi hết thời hạn thuê ban đầu là 40 năm, Công ty sẽ gia hạn hợp đồng thuê đất và cơ sở hạ tầng để tiếp tục hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty cũng chưa thể có được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng liên quan đến hợp đồng thuê nêu trên nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Như
Giám đốc



